TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21 /2019/DS-ST
Ngày: 23/7/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Bảy Nhỏ

Bà Võ Ngọc Ba

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Phương Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23/7/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2019, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Phương H, sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* 1/ Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1974. (Có mặt)

2/ Chị Đào Thị T, sinh năm 1975 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Mỹ H1, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 27/02/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Võ Phương H trình bày: Ngày 07/4/2012, anh Huỳnh Văn L và chị Đào Thị T hỏi mượn vợ chồng anh số tiền 30.000.000đ để sữa chữa máy bơm, hai bên có ký giấy biên nhận tiền mỗi bên giữ một bản, không có tính lãi. Khoảng 10 ngày sau anh L chị T mượn thêm 20.000.000đ nhưng không có mang theo biên nhận và yêu cầu anh ghi thêm vào biên nhận anh đang giữ. Sau đó khoảng nữa tháng anh L, chị T mượn thêm 20.000.000đ, đến ngày 11/6/2012 anh L, chị T mượn thêm 10.000.000đ, ngày 29/6/2012 mượn thêm 30.000.000đ. Những lần mượn sau đều không mang theo biên nhận và yêu cầu anh ghi vào biên nhận anh đang giữ nhưng anh L chị T không có ký tên và không trực tiếp chứng kiến những lần anh ghi

thêm vào biên nhận. Tổng cộng anh L, chị T hỏi mượn của vợ chồng anh 05 lần, số tiền 110.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 28/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Văn L và chị Đào Thị T trình bày: Anh chị thừa nhận anh, chị có vay tiền của anh H 02 lần, lần đầu vào ngày 07/4/2012 anh chị vay 30.000.000đ lãi suất 1.500.000đ/ 30.000.000đ/tháng anh H có làm Giấy biên nhận mỗi bên giữ 01 bản. Đến tháng 7/2012 anh chị vay thêm 20.000.000đ không có làm giấy biên nhận mới. Tổng cộng 02 lần vay số tiền 50.000.000đ lãi mỗi tháng 2.500.000đ, anh chị đóng lãi đến tháng 7/2014 thì ngưng cho đến nay. Anh chị xác định chỉ nợ vợ chồng anh H số tiền vay vốn 50.000.000đ nên anh chị đồng ý trả số tiền vốn còn nợ cho vợ chồng anh H, còn lãi đã trả không yêu cầu xem xét.

Tại bản tự khai ngày 02/4/2019 chị Trần Mỹ H1 trình bày: Thống nhất như lời trình bày của anh Võ Phương H yêu cầu anh Huỳnh Văn L, chị Đào Thị T trả cho vợ chồng chị số tiền 110.000.000đ

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Võ Phương H không thừa nhận có nhận tiền lãi của anh L, chị T. Những lần mượn tiền sau anh L chị T không mang theo biên nhận nên anh tự viết vào biên nhận. Việc anh L, chị T nợ vợ chồng anh số tiền 110.000.000đ là có thật. Ngoài Giấy biên nhận nhận tiền lập ngày 07/4/2012 anh đã cung cấp cho Tòa án, anh không còn tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh anh L, chị T đã nhận 110.000.000đ của vợ chồng anh. Nếu anh L chị T chỉ thừa nhận có nợ anh 50.000.000đ, anh xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh L chị T trả cho vợ chồng anh số tiền anh L, chị T thừa nhận là 50.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn anh Huỳnh Văn L, chị Đào Thị T trình bày: Anh chị chỉ vay vợ chồng anh H 02 lần số tiền 50.000.000đ. Anh, chị có ký tên vào Giấy biên nhận tiền vay số tiền 30.000.000đ, lần sau vay thêm số tiền 20.000.000đ nhưng không có làm biên nhận mới, anh tự ghi vào biên nhận do anh H giao, ngoài ra anh không mượn thêm lần nào nữa. Anh chị có trả lãi cho vợ chồng anh H đến tháng 7/2014 mỗi tháng 2.500.000đ do làm ăn thất bại nên ngưng luôn cho đến nay. Anh chị không có chứng cứ chứng minh đã đóng lãi cho anh H và cũng không yêu cầu số tiền lãi đã trả. Anh chị giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Mỹ H1 có văn bản trình bày ý kiến nhưng không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án, không chấp hành về quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 471,474 của Bộ luật dân sự năm 2005;, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Phương H. Buộc bị đơn Huỳnh Văn L và chị Đào Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Võ Phương H, chị Trần Mỹ H1 số tiền vốn 50.000.000đ. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh L chị T có nghĩa vụ liên đới nộp 2.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Mỹ H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 3 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H1 là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Phương H: Nguyên đơn anh H trình bày năm 2012 nguyên đơn có cho bị đơn vay 05 lần số tiền tổng cộng số tiền 110.000.000đ nhưng chỉ viết biên nhận lần đầu vào ngày 07/4/2012, còn những lần vay sau không có làm biên nhận nên nguyên đơn tự viết vào biên nhận nhưng không có yêu cầu bị đơn ký tên những lần nhận tiền. Bị đơn chỉ thừa nhận có nhận số tiền 30.000.000đ theo giấy biên nhận và 20.000.000đ lần vào tháng 07/2012. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 07/4/2012 nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 30.000.000đ, mục đích vay để sữa chữa máy bơm. Hai bên có làm Giấy biên nhận tiền giao mỗi bên giữ 01 bản, có thỏa thuận lãi suất 1.500.000đ, thỏa thuận thời gian thanh toán nợ, quyền, nghĩa vụ của các bên khi không trả nợ đúng thời hạn theo Giấy bên nhận ngày 07/4/2012 nên việc nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 30.000.000đ ngày 07/4/2012 là có thật. Đối với 04 lần vay sau, nguyên đơn trình bày không có làm biên nhận nên nguyên đơn tự viết thêm vào biên nhận ngày 07/4/2012, nguyên đơn giao tiền không yêu cầu bị đơn ký tên vào nội dung viết thêm, nguyên đơn cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào chứng minh có giao cho bị đơn số tiền 05 lần vay tổng cộng 110.000.000đ là vi phạm nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn anh Võ Phương H trình bày bắt đầu cho bị đơn vay tiền từ ngày 07/4/2012 đến ngày 29/6/2012 tổng số tiền cho vay là 110.000.000đ. Nhưng sau khi vay bị đơn không trả lãi và vốn. Hội đồng xét xử nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm từ tháng 7/2012 đến ngày 27/02/2019 mới khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận có nợ của nguyên đơn số tiền 50.000.000đ và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã tự hòa giải với nhau nên thời hiệu khởi kiện bắt đầu lại theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật dân sự.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Võ Phương H xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu các bị đơn có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh số tiền vốn 50.000.000đ, không yêu

cầu tính lãi. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và có lợi cho bị đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Võ Phương H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Mỹ H1 số tiền vốn còn nợ là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[5] Về lãi suất: Nguyên đơn anh Võ Phương H không yêu cầu tính lãi, đối với việc bị đơn anh Huỳnh Văn L, chị Đào Thị T trình bày có trả lãi từ khi vay đến tháng 7/2014 nhưng nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn không có chứng cứ chứng minh và cũng không có yêu cầu xem xét nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các bị đơn có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí trên số tiền buộc trả cho nguyên đơn số tiền 50.000.000đ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể, buộc anh Huỳnh Văn L, chị Đào Thị T có nghĩa vụ nộp 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 91; khoản 2 Điều 227; khoản 1, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 157, 463, 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự; khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Phương H.

1. Buộc các bị đơn anh Huỳnh Văn L, chị Đào Thị T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Võ Phương H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Mỹ H1 số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho nguyên đơn anh Võ Phương H số tiền 2.750.000.000đ (*Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0015187 ngày 04/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

Buộc các bị đơn Huỳnh Văn L, Đào Thị T có nghĩa vụ nộp 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Mỹ H1 vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga